**ĐÁP ÁN & THANG ĐIỂM ĐỊA 11 XH**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| made | cau | dapan |  | made | cau | dapan |  | made | cau | dapan |  | made | cau | dapan |
| 170 | 1 | A |  | 247 | 1 | A |  | 324 | 1 | C |  | 495 | 1 | C |
| 170 | 2 | C |  | 247 | 2 | A |  | 324 | 2 | C |  | 495 | 2 | D |
| 170 | 3 | D |  | 247 | 3 | D |  | 324 | 3 | C |  | 495 | 3 | A |
| 170 | 4 | B |  | 247 | 4 | B |  | 324 | 4 | D |  | 495 | 4 | A |
| 170 | 5 | D |  | 247 | 5 | D |  | 324 | 5 | D |  | 495 | 5 | A |
| 170 | 6 | A |  | 247 | 6 | A |  | 324 | 6 | C |  | 495 | 6 | C |
| 170 | 7 | A |  | 247 | 7 | C |  | 324 | 7 | D |  | 495 | 7 | B |
| 170 | 8 | B |  | 247 | 8 | D |  | 324 | 8 | A |  | 495 | 8 | B |
| 170 | 9 | D |  | 247 | 9 | C |  | 324 | 9 | B |  | 495 | 9 | C |
| 170 | 10 | C |  | 247 | 10 | D |  | 324 | 10 | B |  | 495 | 10 | A |
| 170 | 11 | D |  | 247 | 11 | B |  | 324 | 11 | A |  | 495 | 11 | D |
| 170 | 12 | B |  | 247 | 12 | A |  | 324 | 12 | B |  | 495 | 12 | D |
| 170 | 13 | B |  | 247 | 13 | C |  | 324 | 13 | A |  | 495 | 13 | B |
| 170 | 14 | C |  | 247 | 14 | C |  | 324 | 14 | B |  | 495 | 14 | B |
| 170 | 15 | A |  | 247 | 15 | B |  | 324 | 15 | A |  | 495 | 15 | C |
| 170 | 16 | C |  | 247 | 16 | B |  | 324 | 16 | D |  | 495 | 16 | D |

**Câu 1. Sự phân hóa lãnh thổ ở trung tâm Bắc Mĩ:**

**a. Vùng phía Tây: (1đ)**

– Địa hình :  vùng núi trẻ Coocdie, các dãy núi trẻ cao > 2000m, chạy song song hướng Bác – Nam, xen giữa là các bồn địa và cao nguyên ( có khí hậu hoang mạc và bán hoang mạc )

- Khí hậu: Khô hạn ở cao nguyên và bồn địa ; tính hải dương ở đồng bằng ven biển, phân hóa phức tạp.

- Ven Thái Bình Dương có các đồng bằng nhỏ, đất tốt, khí hậu cận nhiệt đới và ôn đới hải dương

- Tài nguyên: Giàu khoáng sản kim loại màu, kim loại hiếm, tài nguyên rừng, than đá, thủy năng, đất đồng bằng phì nhiêu.

**b. Vùng trung tâm: (1đ)**

– Bao gồm khu vực nằm giữa A-pa-lat và dãy Rốc-ki.

- Phần phía tây và phía bắc là gò đồi thấp và đồng cỏ rộng lớn;

 phần phía nam là đồng bằng phù sa màu mỡ. rộng lớn do sông Mi-xi-xi-pi bồi đắp.

- Khí hậu: Phân hóa da dạng: ôn đới lục địa ở các bang phía Bắc, cận nhiệt đới ven vịnh Mêhico

- Tài nguyên: Than đá, quặng sắt, dầu khí trử lượng lớn.

**Câu 2: ngành Nông nghiệp ở Hoa Kì: ( 2đ)**

- Hoa Kì nền nông nghiệp đứng hàng đầu thế giới

– Chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu GDP (0,9% năm 2004).

– Cơ cấu có sự chuyển dịch: giảm tỷ trọng hoạt động thuần nông tăng tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp.
– Phân bố: sản xuất nông nghiệp thay đổi phân bố theo hướng đa dạng hóa nông sản trên cùng lãnh thổ.  Các vành đai chuyên canh trở thành vùng sản xuất nhiều loại nông sản theo mùa vụ.

– Hình thức tổ chức sản xuất chủ yếu là trang trại

– Nền nông nghiệp hàng hóa hình thành sớm và phát triển mạnh.

– Hoa Kì là nước xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới.

– Nông nghiệp cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

**Vẽ đúng, đẹp, đầy đủ : 2 điểm**

-Sai dạng biểu đồ nếu : khg có tên ( cho 0,5 điểm), sai tỉ lệ ( không điểm), đầy đủ ( cho 1đ)

- sai tỉ lệ: trừ 1điểm

- sai đơn vị : trừ 0,5điểm

- không tên biểu đồ : trừ 0,5điểm

- không số liệu : trừ 0,5điểm

- sai tỉ lệ 1 năm: trừ 0,25 điểm

- vẽ các điểm chưa đủ: trừ 0,25điểm **/** 1 năm